

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	8 - 31

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) số 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tới ngày lập Báo cáo tài chính riêng này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên	Từ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bà Đặng Trần Duy Khanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2024
------------------------	------------	-----------------------------------

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập Báo cáo tài chính riêng này là ông Trần Vinh Quang tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập Báo cáo tài chính riêng này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho ông Đỗ Minh Tiến, Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ), để phê duyệt và ký Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 02122024/UQ-CTHĐQT ngày 02 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, Người đại diện theo pháp luật phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam..

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Thay mặt:

Ông Đỗ Minh Tiến

Giám đốc Khối tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng (Công ty mẹ)

Được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Mẫu số B01-a - CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		75.361.906.860	82.690.742.853
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.741.600.479	4.369.565.262
111	1. Tiền		741.600.479	4.369.565.262
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	60.861.833.807
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	-	60.861.833.807
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		71.577.190.044	17.415.363.854
132	1. Trả trước cho người bán		73.876.185	91.565.196
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	50.065.764.544	17.320.798.658
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	21.437.549.315	3.000.000
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		43.116.337	43.979.930
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	43.116.337	43.979.930
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		293.238.501.755	182.902.131.112
220	I. Tài sản cố định (TSCĐ)		1.051.508.807	1.904.495.240
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8.1	58.032.139	1.177.811.907
222	1.1 Nguyên giá		133.156.999	1.266.307.000
223	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(75.124.860)	(88.495.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8.2	774.716.668	726.683.333
228	2.1 Nguyên giá		959.000.000	739.000.000
229	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(184.283.332)	(12.316.667)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.3	218.760.000	-
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		291.791.400.000	180.775.000.000
251	1. Đầu tư vào Công ty con	9.1	66.975.000.000	180.775.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.2	87.816.400.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	9.3	137.000.000.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		395.592.948	222.635.872
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	364.088.069	173.327.475
268	2. Tài sản dài hạn khác	11	31.504.879	49.308.397
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		368.600.408.615	265.592.873.965
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		33.651.679.810	10.938.097.507
310	I. Nợ ngắn hạn		33.651.679.810	10.938.097.507
312	1. Phải trả người bán		50.000.000	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.144.485.506	3.110.225.374
315	3. Phải trả người lao động		3.571.800.000	2.086.704.940
316	4. Chi phí phải trả		77.000.000	70.000.000
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	25.000.000.000	-
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		628.394.304	5.671.167.193
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.2	334.948.728.805	254.654.776.458
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		206.436.946.183	126.142.993.836
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		368.600.408.615	265.592.873.965

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Mẫu số B01-a - CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
006	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		-	32.500.000.000
020	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		-	4.051.040.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	22	76.280.898.687	209.896.926.865
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		76.279.751.326	209.894.161.465
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		1.147.361	2.765.400
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	23	9.840.171.250.000	8.601.824.651.080
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước		9.837.773.398.565	8.599.426.799.645
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.397.851.435	2.397.851.435
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	24	275.210.494.629	406.502.728.134
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	25	39.282.727.208	22.320.254.420

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối tài chính - Kế toán
kiểm Kế toán trưởng
(Công ty mẹ)
Được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Mẫu số B02 - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
01	1. Doanh thu	15	15.580.157.258	16.364.855.402	47.128.271.141	33.699.880.677
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		15.580.157.258	16.364.855.402	47.128.271.141	33.699.880.677
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	16	(2.134.838.959)	(11.237.541.905)	(14.341.637.785)	(19.629.220.481)
20	4. Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh		13.445.318.299	5.127.313.497	32.786.633.356	14.070.660.196
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	19.931.990.541	292.536.808	214.776.996.541	1.620.304.779
22	6. Chi phí tài chính		-	-	-	413.700.000
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(914.134.127)	(1.287.231.342)	(7.297.051.186)	(3.233.372.526)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.463.174.713	4.132.618.963	240.266.578.711	12.871.292.449
31	9. Thu nhập khác		-	-	5.882.751	17.803.174
32	10. Chi phí khác		-	-	(522.534.403)	-
40	11. Lợi nhuận khác		-	-	(516.651.652)	17.803.174
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.463.174.713	4.132.618.963	239.749.927.059	12.889.095.623
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.2	(3.545.734.942)	(826.523.793)	(6.873.747.600)	(2.589.819.125)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28.917.439.771	3.306.095.170	232.876.179.459	10.299.276.498
70	15. Lãi trên cổ phiếu	20	2.313	264	18.630	824

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



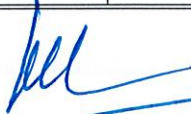
Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng
(Công ty mẹ)
Được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán ba tháng thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		239.749.927.059	12.889.095.623
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	- Khấu hao tài sản cố định	8	274.375.665	79.003.672
03	- Các khoản dự phòng		-	(413.700.000)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(214.554.462.138)	(1.620.304.779)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		25.469.840.586	10.934.094.516
09	1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(10.309.473.356)	(6.286.844.410)
11	2. Tăng/(giảm) các khoản phải trả		(347.573.284)	2.970.974.691
12	3. (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(189.897.001)	89.331.371
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(3.769.819.125)	(3.982.733.112)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.853.077.820	3.724.823.056
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(507.559.999)	(1.940.950.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		863.636.364	-
23	3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(137.000.000.000)	(20.463.287.671)
24	4. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		-	41.148.287.671
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(268.858.369.824)	(38.525.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		334.458.557.631	12.622.797.513
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		192.187.693.225	1.620.304.779
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		121.143.957.397	(5.537.847.708)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(132.625.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(132.625.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(627.964.783)	(1.813.024.652)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	4.369.565.262	6.182.589.914
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.741.600.479	4.369.565.262


Bà Phạm Uyên Vy
Người lập


Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng


Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối tài chính - Kế toán
kiểm Kế toán trưởng
(Công ty mẹ)
Được ủy quyền

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B05a-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.1	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối		115.843.717.338	126.142.993.836	10.299.276.498	-	246.748.961.917	(166.455.009.570)	126.142.993.836	206.436.946.183
TỔNG CỘNG	14.2	244.355.499.960	254.654.776.458	10.299.276.498	-	246.748.961.917	(166.455.009.570)	254.654.776.458	334.948.728.805



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng
(Công ty mẹ)
Được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) số 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 14 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) công ty con, như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Camellia Wealth	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý	98,49%

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) công ty liên kết, như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Finsight	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	48,69%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính riêng hàng và giữa niên độ theo quy định của Thông tư 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

2.5 Mục đích lập Báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1*. Công ty đã lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề Ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư vào công ty con và công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí tài chính".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	5 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Lợi ích của nhân viên

3.10.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.10.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.10.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.

3.14 *Công cụ tài chính*

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động riêng, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, các khoản phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ, Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu: Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền mặt	10.097.088	20.936.980
Tiền gửi không kì hạn	731.503.391	4.348.628.282
	741.600.479	4.369.565.262
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	3.000.000.000	-
	3.741.600.479	4.369.565.262

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	-	27.536.833.807
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	-	13.125.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5	-	20.200.000.000
	-	60.861.833.807

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	27.665.764.544	13.410.996.878
Phải thu bán tài sản tài chính	22.400.000.000	-
Phải thu phí quản lý quỹ	-	3.909.801.780
	50.065.764.544	17.320.798.658

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Phải thu khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu lãi từ cổ phần ưu đãi cổ tức và hoàn lại	6.699.863.014	-
Phải thu tiền nhận cổ tức từ công ty con	14.734.500.000	-
Phải thu khác	3.186.301	3.000.000
	21.437.549.315	3.000.000

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí bảo hiểm	-	10.364.999
Phần mềm ứng dụng	38.401.489	27.516.000
Khác	4.714.848	6.098.931
	43.116.337	43.979.930

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

8.1 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	64.357.000	1.201.950.000	1.266.307.000
Mua trong kỳ	68.799.999	-	68.799.999
Giảm trong kỳ	-	(1.201.950.000)	(1.201.950.000)
Số cuối kỳ	133.156.999	-	133.156.999
Khấu hao lũy kế			
Số đầu kỳ	43.260.416	45.234.677	88.495.093
Tăng trong kỳ	31.864.444	70.544.556	102.409.000
Giảm trong kỳ	-	(115.779.233)	(115.779.233)
Số cuối kỳ	75.124.860	-	75.124.860
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	21.096.584	1.156.715.323	1.177.811.907
Số cuối kỳ	58.032.139	-	58.032.139

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

8.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	739.000.000	739.000.000
Mua trong kỳ	220.000.000	220.000.000
Số cuối kỳ	959.000.000	959.000.000
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	12.316.667	12.316.667
Khấu hao trong kỳ	171.966.665	171.966.665
Số cuối kỳ	184.283.332	184.283.332
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	726.683.333	726.683.333
Số cuối kỳ	774.716.668	774.716.668

8.3 Xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Thiết kế và xây dựng website	218.760.000	-

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

9.1 Đầu tư vào công ty con

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công ty cổ phần Finsight	-	16.480.000	-	164.800.000.000
Công ty cổ phần Camellia Wealth	6.697.500	1.597.500	66.975.000.000	15.975.000.000
	6.697.500	18.077.500	66.975.000.000	180.775.000.000

9.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công ty cổ phần Finsight	8.781.640	-	87.816.400.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.3 Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Cổ phiếu ưu đãi	13.700.000	-	137.000.000.000	-
Cổ tức - Finsight				

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công cụ và dụng cụ	100.906.920	34.742.085
Chứng thư sổ công cộng	44.804.848	50.828.668
Đồng phục nhân viên	149.762.903	3.300.000
Cước dịch vụ internet	5.778.800	-
Phần mềm SQL	33.658.250	72.871.754
Khác	29.176.348	11.584.968
	364.088.069	173.327.475

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Đặt cọc phí lưu ký	504.879	33.308.397
Đặt cọc taxi	30.000.000	15.000.000
Khác	1.000.000	1.000.000
	31.504.879	49.308.397

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	919.819.127	6.873.747.600	3.769.819.125	4.023.747.602
Thuế thu nhập cá nhân	2.190.406.247	3.556.503.055	5.626.171.398	120.737.904
Thuế giá trị gia tăng	-	86.363.636	86.363.636	-
Thuế môn bài	-	75.423.948	75.423.948	-
	3.110.225.374	10.592.038.239	9.557.778.107	4.144.485.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Phải trả tiền cổ tức cho chủ sở hữu	<u>25.000.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

14.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84%	124.800.000.000	99,84%
Nguyễn Thanh Thảo	100.000.000	0,08%	100.000.000	0,08%
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08%	100.000.000	0,08%
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	100%

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

14.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	126.142.993.836	254.654.776.458
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	232.876.179.459	232.876.179.459
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(8.830.009.570)	(8.830.009.570)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	13.872.782.458	13.872.782.458
Trả cổ tức bằng tiền (***)	-	-	-	(157.625.000.000)	(157.625.000.000)
	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	206.436.946.183	334.948.728.805

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ (tiếp theo)

- (*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 2703/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 8.830.009.570 đồng, tương đương 7% lợi nhuận sau thuế.
- (**) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 3005/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, Công ty thông qua việc hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 13.872.782.458 đồng, trong đó, năm 2021 là 5.042.772.888 đồng và năm 2023 là 8.830.009.570 đồng.
- (***) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2703/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2024 ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 31122024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty đã thông qua việc trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông lần lượt là 117.000.000.000 đồng, 15.625.000.000 đồng và 25.000.000.000 đồng.

15. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	14.071.880.367	13.228.267.607
Phí quản lý quỹ	1.508.276.891	1.408.587.795
Phí khác	-	1.728.000.000
	15.580.157.258	16.364.855.402

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	1.527.812.984	10.640.053.121
Chi phí thuê văn phòng	178.978.141	118.255.254
Chi phí đồ dùng văn phòng	127.643.285	25.664.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.140.000	108.101.936
Chi phí khấu hao	45.025.497	17.218.755
Chi phí bằng tiền khác	11.239.052	328.248.149
	2.134.838.959	11.237.541.905

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Cổ tức được nhận	19.914.226.028	-
Lãi tiền gửi	17.764.513	1.029.958
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	291.506.850
	19.931.990.541	292.536.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	408.973.590	1.016.435.631
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.799.079	6.128.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.549.660	14.374.022
Thuế, phí và lệ phí	1.958.000	2.291.000
Chi phí khấu hao	11.454.501	51.619.260
Chi phí khác	462.399.297	196.382.689
	914.134.127	1.287.231.342

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

19.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	239.749.927.059	12.889.095.623
Điều chỉnh lợi nhuận		
- Điều chỉnh tăng chi phí không hợp lệ	20.270.639	60.000.000
- Điều chỉnh giảm cổ tức được nhận	205.401.459.696	-
Lợi nhuận tính thuế	34.368.738.002	12.949.095.623
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	6.873.747.600	2.589.819.125
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.873.747.600	2.589.819.125

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty	232.876.179.459	10.299.276.498
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	18.630	824

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	7.413.464.565	6.299.418.135
		Phải trả tiền cổ tức	157.372.800.000	-
		Giao dịch mua bán	231.739.367.900	-
		Phải trả phí lưu ký và giao dịch	52.440.750	25.093.251
Công ty CP Finsight	Công ty liên kết	Phí quản lý danh mục đầu tư	27.071.593.536	9.752.649.137
		Thu tiền cổ tức	190.666.959.696	-
		Mua CP ưu đãi cổ tức và hoàn lại	137.000.000.000	-
		Thu tiền lãi cổ phần ưu đãi cổ tức và hoàn lại	6.699.863.014	-
Công ty CP Camellia Wealth	Công ty con	Góp vốn	51.000.000.000	15.975.000.000
		Giao dịch mua bán	225.788.998.740	-
		Thu tiền cổ tức	14.734.500.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Thu phí quản lý Quỹ	2.278.630.323	2.604.752.486
		Thu tiền lợi tức	1.250.000.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Bên liên quan	Thu phí quản lý Quỹ	2.247.318.865	5.617.056.223
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Bên liên quan	Thu phí quản lý Quỹ	1.861.114.503	292.382.765
		Thu phí phát hành CCQ TVGF5	-	1.728.000.000
Lương của Ban Giám đốc	Ban điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	2.928.609.091	1.466.200.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải trả tiền cổ tức	24.960.000.000	-
Công ty Cổ Phần Finsight	Công ty liên kết	Góp vốn vào công ty con	-	164.800.000.000
		Đầu tư vào công ty liên kết	87.816.400.000	-
		Mua cổ phần ưu đãi cổ tức và hoàn lại	137.000.000.000	-
		Phải thu lãi CP ưu đãi cổ tức	6.699.863.014	-
		Phải thu phí quản lý danh mục	22.201.003.802	3.612.992.557
Công ty cổ phần Camellia Wealth	Công ty con	Góp vốn vào công ty con	66.975.000.000	15.975.000.000
		Phải thu bán cổ phần	21.434.549.316	-
		Phải thu tiền cổ tức	14.734.500.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	-	13.125.000.000
		Phải thu phí quản lý quỹ	-	475.470.100
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	-	3.434.331.680
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	-	20.200.000.000

22. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Số dư đầu kỳ	209.896.926.865	200.632.691.735
Tăng trong kỳ	26.139.998.747.012	19.707.359.357.440
Giảm trong kỳ	(26.273.614.775.190)	(19.698.095.122.310)
Số cuối kỳ	76.280.898.687	209.896.926.865

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

23. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	1.028.364.591.015	610.609.959.065
Cổ phiếu niêm yết bị suy giảm giá trị	337.154.317.581	261.778.119.825
SSI	80.645.410.100	-
VNM	-	74.128.259.925
Các loại mã chứng khoán khác	256.508.907.481	187.649.859.900
Cổ phiếu không niêm yết	64.781.068.942	50.476.459.122
Chứng chỉ quỹ niêm yết	130.096.930.470	157.311.905.942
Chứng chỉ quỹ niêm yết bị suy giảm giá trị	9.938.458.047	48.311.905.942
FUESSVFL	-	25.096.453.712
FUESSV50	5.475.374.226	12.326.747.202
FUESSV30	4.463.083.821	10.888.705.028
Chứng chỉ quỹ không niêm yết	53.695.996.798	108.285.560.054
Trái phiếu niêm yết	825.524.621.368	658.557.895.930
Trái phiếu riêng lẻ	565.960.459.037	639.781.846.924
Trái phiếu không niêm yết	207.387.088.201	1.389.934.946.248
Chứng chỉ tiền gửi	3.585.977.642.734	2.492.247.926.360
Hợp đồng tiền gửi	3.375.985.000.000	2.492.220.300.000
	9.837.773.398.565	8.599.426.799.645
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Cổ phiếu không niêm yết	2.397.851.435	2.397.851.435

24. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu lãi tiền gửi	253.246.924.310	345.884.903.766
Phải thu bán chứng khoán	21.548.185.605	56.289.630.404
Phải thu cổ tức	-	2.421.650.000
Phải thu khác, tài sản khác	415.384.714	1.906.543.964
	275.210.494.629	406.502.728.134

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	27.665.764.541	13.410.996.878
Phải trả tiền mua chứng khoán	2.180.000.000	5.821.500.000
Phải trả phí khác	9.436.962.667	3.087.757.542
	39.282.727.208	22.320.254.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Dưới 1 năm	1.609.974.564	525.578.900
Từ 1 đến 5 năm	1.341.645.470	-
	2.951.620.034	525.578.900

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	731.503.391	3.000.000.000	-	-	3.731.503.391
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	-	50.065.764.544	-	50.065.764.544
Các khoản phải thu khác	-	-	21.437.549.315	-	21.437.549.315
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	137.000.000.000	137.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	31.504.879	31.504.879
	731.503.391	3.000.000.000	71.503.313.859	137.031.504.879	212.266.322.129
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	50.000.000	-	-	50.000.000
Chi phí phải trả	-	-	77.000.000	-	77.000.000
	-	50.000.000	77.000.000	-	127.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<i>Bất kỳ thời điểm nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 năm đến 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.369.565.262	-	-	-	4.369.565.262
Đầu tư ngắn hạn	60.861.833.807	-	-	-	60.861.833.807
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	17.320.798.658	-	-	17.320.798.658
Các khoản phải thu khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000
Tài sản dài hạn khác	-	49.308.397	-	-	49.308.397
	65.231.399.069	17.370.107.055	-	3.000.000	82.604.506.124
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	70.000.000	-	70.000.000
	-	-	70.000.000	-	70.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.731.503.391	4.369.565.262	3.731.503.391	4.369.565.262
Đầu tư ngắn hạn	-	60.861.833.807	-	67.661.833.807
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	50.065.764.544	17.320.798.658	50.065.764.544	17.320.798.658
Các khoản phải thu khác	21.437.549.315	3.000.000	21.437.549.315	3.000.000
Đầu tư dài hạn khác	137.000.000.000	-	137.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	31.504.879	49.308.397	31.504.879	49.308.397
	212.266.322.129	82.604.506.124	212.266.322.129	89.404.506.124
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	50.000.000	-	50.000.000	-
Chi phí phải trả	77.000.000	70.000.000	77.000.000	70.000.000
	127.000.000	70.000.000	127.000.000	70.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán riêng yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối tài chính - Kế toán
kiểm Kế toán trưởng
(Công ty mẹ)
Được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

